

**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ PHÚ MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ PHÚ MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU MINH WOOD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHU MINH WOOD.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107375724

**3. Ngày thành lập:** 29/03/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1, ngõ 2 Xuân Đình, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948648888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                               | 0118     |
| 2.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                      | 0119     |
| 3.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                             | 0121     |
| 4.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                              | 0128     |
| 5.  | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                       | 0130     |
| 6.  | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                            | 0146     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                 | 0161     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                              | 0163     |
| 9.  | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                  | 0210     |
| 10. | Khai thác gỗ                                                                                                                                 | 0221     |
| 11. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                               | 1610     |
| 12. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                            | 1621     |
| 13. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                      | 1622     |
| 14. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                      | 1623     |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rá và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất chế biến mặt hàng gỗ, lâm sản | 1629     |
| 16. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                      | 5012     |
| 17. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                          | 5022     |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                  | 5210     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;                                                                                                                                                                                                                                       | 5510        |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;                                                                                                                                                                                                          | 4663        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                       | 4752        |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610        |
| 25. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3100(Chính) |
| 26. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4100        |
| 27. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4290        |
| 28. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 31. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390        |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 33. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4773        |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931        |
| 35. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299        |

|     |                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự        | 9524 |
| 38. | Đại lý du lịch                                               | 7911 |
| 39. | Điều hành tua du lịch                                        | 7912 |
| 40. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7920 |

**6. Vốn điều lệ:** 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | XA MI LAN     | Khối 14, Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 4.800.000  | 48.000.000.000        | 80,000    | 182272521                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 4.800.000  | 48.000.000.000        | 80,000    |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ MẠNH CUÔNG | Khối 1, Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 1,000     | 187187384                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 1,000     |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN VĂN HƯNG | Thôn Tuy Lạc, Xã Thủy Triều, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 1.140.000  | 11.400.000.000        | 19,000    | 031195024                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 1.140.000  | 11.400.000.000        | 19,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: XA MI LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 07/06/1979

Dân tộc: *Xơ-đăng*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 182272521

Ngày cấp: 07/08/2013

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nghệ An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khối 14, Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 1, ngõ 2 Xuân Đình, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội